

Trung Sơn, ngày 26 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2026 – 2027

STT	Nội dung	Số lượng	Số m ² /học sinh
I	Khối phòng hành chính quản trị	08	
II	Số phòng học, số phòng học bộ môn	20	
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	02	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	42.78	
III	Khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ	8	
IV	Số điểm trường	1	
V	Tổng số diện tích đất (m²)	7882	10.23
VI	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3180	
VII	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54-60	1.26-1.4
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	54-60	1.26-1.4
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	54	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	212	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	15-40	
VIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9	Số bộ/lớp
1	Thiết bị dùng chung	1	
1.1	Khối lớp 6	2	
1.2	Khối lớp 7	2	
1.3	Khối lớp 8	2	
1.4	Khối lớp 9	2	
IX	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	59	Trong đó 3 máy tính xách tay

X	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Máy in	5	
6	Thiết bị khác Bộ tăng âm loa đài	2	

XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01		x		0.085
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XVI	Tường rào (xây/hàng rào)	x	
XVII	Danh mục SGK sử dụng 1 bộ sách thống nhất.	x	

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Liên